

Số: 14/2020/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2020

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giới: C
	Ngày: 8/4/20

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy chế phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về Quy chế phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2020 và thay thế Quyết định số 04/2014/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: V.I, QHQT, KTTH, TH, Công báo;
- Lưu: VT, PL (2).

**Nguyễn Xuân Phúc**



QUY CHẾ

Phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế
(Ban hành kèm theo Quyết định số 14 /2020/QĐ-TTg
ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, nhiệm vụ, quyền hạn và quy trình phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán khác không phải của Việt Nam (sau đây gọi là trọng tài quốc tế). Quy chế này không áp dụng đối với các việc giải quyết khiếu kiện về đầu tư được giải quyết tại trọng tài, tòa án hoặc cơ quan, tổ chức của Việt Nam theo pháp luật Việt Nam.

2. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Tranh chấp đầu tư quốc tế là tranh chấp phát sinh từ việc nhà đầu tư nước ngoài kiện Chính phủ, Nhà nước Việt Nam hoặc cơ quan nhà nước, tổ chức được cơ quan nhà nước ủy quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước (sau đây gọi chung là cơ quan nhà nước) theo một trong các trường hợp sau:

a) Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư hoặc hiệp định thương mại hoặc điều ước quốc tế khác có quy định về bảo hộ đầu tư mà Việt Nam là thành viên (sau đây gọi chung là hiệp định đầu tư), trong đó có quy định về việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế;

b) Hợp đồng, thỏa thuận giữa cơ quan nhà nước Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài, trong đó có quy định cơ quan giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng, thỏa thuận này là trọng tài quốc tế.

2. Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức hoặc cá nhân đáp ứng các tiêu chí về nhà đầu tư nước ngoài theo hiệp định đầu tư liên quan mà Việt Nam là thành viên.

3. Cơ quan chủ trì là cơ quan được xác định theo Điều 5 của Quy chế này.

4. Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ là Bộ Tư pháp.

5. Biện pháp bị kiện là việc làm, quyết định hoặc biện pháp của cơ quan nhà nước mà nhà đầu tư nước ngoài cho rằng vi phạm hiệp định đầu tư, hợp đồng, thỏa thuận.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan là cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan tới việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế và được cơ quan chủ trì mời hoặc yêu cầu tham gia giải quyết vụ tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể.

7. Tổ công tác liên ngành là Tổ công tác do cơ quan chủ trì thành lập, có đại diện một số bộ, ngành và cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ tư vấn cho cơ quan chủ trì trong quá trình giải quyết vụ tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể.

8. Nhân chứng là người biết về các tình tiết liên quan của vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Cơ quan chủ trì, cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp đầy đủ, hiệu quả, kịp thời trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật Việt Nam để bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của Chính phủ Việt Nam, cơ quan nhà nước Việt Nam.

2. Cơ quan chủ trì, cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm giữ bí mật Nhà nước, bí mật thông tin, tài liệu có được trong quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế theo đúng quy định trong tố tụng trọng tài quốc tế và quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Cơ quan chủ trì, cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm trước pháp luật về hậu quả phát sinh do không phối hợp hoặc phối hợp không đúng các nguyên tắc nêu tại Điều này.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Trao đổi thông tin, tài liệu giữa các cơ quan liên quan trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, vướng mắc của nhà đầu tư nước ngoài nhằm phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Phối hợp trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

a) Cử người có đủ năng lực của cơ quan, tổ chức mình tham gia Tổ công tác liên ngành giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế khi được cơ quan chủ trì yêu cầu.

b) Tham gia thương lượng, hòa giải các tranh chấp đầu tư quốc tế.

c) Xây dựng và thực hiện chiến lược, lộ trình, các bước giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

d) Thu thập và cung cấp thông tin, hồ sơ, chứng cứ và tài liệu phục vụ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

đ) Xử lý các nội dung liên quan đến phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế.

e) Thực hiện các công việc khác trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 5. Cơ quan chủ trì

1. Cơ quan chủ trì là bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có biện pháp bị kiện hoặc đe dọa bị kiện, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Trong trường hợp tranh chấp đầu tư quốc tế có các biện pháp bị kiện của hai hoặc nhiều bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan này phải thống nhất cơ quan chủ trì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo ý định khởi kiện.

Trường hợp không thống nhất được cơ quan chủ trì, cơ quan nhận được thông báo ý định khởi kiện thông báo cho cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ để báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ quan chủ trì trên nguyên tắc cơ quan chủ trì là cơ quan có liên quan nhiều nhất tới biện pháp bị kiện và có năng lực phù hợp nhất để giải quyết vụ tranh chấp đầu tư quốc tế.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì đàm phán, ký hoặc thay mặt Nhà nước, Chính phủ Việt Nam ký hợp đồng, thỏa thuận, cam kết với nhà đầu tư nước ngoài là cơ quan chủ trì giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế phát sinh trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, cam kết đó.